

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gầm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Kim E, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà L và ông Kim E đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2021, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Kim E tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/8/2011. Sau khi kết hôn bà và ông Kim E chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Do đó, bà không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa nên xin được ly hôn.

Về con chung: giữa bà và ông Kim E có 01 người con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 05/02/2012, hiện đang sống với ông Kim E, bà yêu cầu ông Kim E tiếp tục nuôi con, bà không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có.

Theo biên bản làm việc ngày 02/6/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn Kim E trình bày:

Ông thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. Ông và bà L kết hôn vào năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông và bà L đã ly thân nay hơn 6 năm. Nay bà L xin ly hôn ông cũng đồng ý.

Về con chung: giữa ông và bà L có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 05/02/2012 hiện đang sống với ông. Ông đồng ý nuôi cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa ông và bà L không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L. Bà L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Kim E.

- Về con chung: ông Nguyễn Văn Kim E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 05/02/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận ông Kim E không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con.

Vì lợi ích của con, ông Kim E có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L cấp dưỡng cho con.

Bà L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L không tranh chấp.

- Về nợ chung: Bà L và ông Kim E trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị L và bị đơn ông Nguyễn Văn Kim E có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L và ông Kim E.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà L và ông Kim E tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/8/2011. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà L cho rằng sau khi kết hôn, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu

thuần do bất đồng quan điểm. Qua thời gian, mâu thuẫn ngày càng tăng nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, bà L khẳng định bà đã không còn tình cảm với ông Kim E nên xin được ly hôn. Đối với ông Kim E, ông cũng thống nhất với lời trình bày của bà L. Ông cũng cho rằng cuộc hôn nhân của ông bà chỉ hạnh phúc được một thời gian đầu. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà L và ông Kim E đã ly thân nay 6 năm, ông bà cũng thừa nhận cuộc hôn nhân này không có hạnh phúc và trong thời gian ly thân thì mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Điều này hoàn toàn trái ngược với quy luật phát triển của xã hội và không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình: “Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...”. Đối chiếu với các quy định trên thì giữa bà L và ông Kim E đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Đồng thời, theo kết quả xác minh thu thập chứng cứ thể hiện: Trong quá trình chung sống với nhau, giữa bà L và ông Kim E có mâu thuẫn kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Kim E đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[3] Về con chung: Giữa bà L và ông Kim E có 01 con chung Nguyễn Văn L, sinh ngày 05/02/2012, hiện đang do ông Kim E trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu ông Kim E tiếp tục nuôi con, bà không cấp dưỡng cho con. Ông Kim E cũng đồng ý nuôi cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con. Qua hỏi ý kiến thì cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha. Do đó, để không làm thay đổi cuộc sống của con, cũng như để đảm bảo sự phát triển của các con về mặt thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử xét thấy cần để cho ông Kim E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi. Ngoài ra, tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình cũng có quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên, do ông Kim E không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông Kim E nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông Kim E không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Bà L và ông Kim E trình bày không có và không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L. Bà L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Kim E.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 05/02/2012 cho ông Nguyễn Văn Kim E được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận ông Kim E không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L và ông Kim E không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà L và ông Kim E trình bày không có và không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007487 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã T, huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm